

Bản án số: 95/2024/DS-ST

Ngày: 13-8-2024

V/v: "Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hòa;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Ông Hồ Thái Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2023/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1389/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Toà số 1510/2024/QĐST-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N3.

Địa chỉ: A T, phường M, quận N, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Cao N, sinh năm 1976 – Giám đốc phòng G (Có mặt).

Trú tại: A N, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/01/2024).

Bị đơn: Chị Đặng Thị Hồng T, sinh năm 1978 (Có mặt).

Trú tại: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà Đặng Thị D, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

-Anh Đặng Thanh L, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

-Chị Đặng Thị Thu H, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Đồng trú tại: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định

VỀ NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đề ngày 06/11/2023 quá trình giải quyết vụ án và Tại Tòa hôm nay Nguyên đơn Ngân hàng N3, do ông Đặng Cao N- Giám đốc phòng G, đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào ngày 04/6/2020 chị Đặng Thị Hồng T và Ngân hàng N3, chi nhánh huyện P, phòng G, có xác lập hợp đồng vay số 4306LAV202002351 (ngày 04/6/2020), chị T vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay: Chăn nuôi bò, hình thức vay vốn: Tín chấp theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 và Ngân hàng có giữ giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 821104 do UBND huyện P cấp ngày 11/5/2006 cho hộ bà Đặng Thị D, mẹ chị Đặng Thị Hồng T.

Từ khi vay cho đến nay, chị T chưa trả nợ gốc, chỉ mới trả lãi trong hạn đến ngày 04/03/2022 với số tiền 17.812.875đ, sau đó chị T không chịu trả lãi cho Ngân hàng nữa, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần gửi giấy đôn đốc chị T phải có nghĩa vụ trả nợ như chị T đã cam kết, nhưng chị T vẫn chây ì. Vì vậy đầu năm 2023, Ngân hàng đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, yêu cầu chị T trả số nợ trên. Trong quá trình tòa thụ lý giải quyết, thì chị T hứa cuối năm 2023 sẽ trả đủ nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng rút đơn tạo điều kiện cho chị T có thời gian trả nợ, nhưng sau đó chị T vẫn không chịu trả.

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N3 số tiền 139.856.850đ (Trong đó nợ gốc 100.000.000đ, lãi trong hạn 27.472.603đ, lãi quá hạn 12.384.247đ, tính đến ngày xét xử ngày 13/8/2024). Trong đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án trên. Ngân hàng có yêu cầu là trong trường hợp chị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng đề nghị ra Quyết định thu hồi tài sản là giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 821104 do UBND huyện P cấp ngày 11/5/2006, để thực hiện thi hành án kê biên, phát mãi tài sản theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện để N1 hàng thu hồi nợ. Tuy nhiên tại Tòa hôm nay anh đại diện cho Ngân hàng rút lại yêu cầu này, vì Giấy chứng nhận trên Ngân hàng chỉ giữ của chị T để tạo niềm tin khi vay vốn, do chị T vay theo trường hợp tín chấp, nên khi chị T trả nợ xong cho Ngân hàng, thì Ngân hàng sẽ trả lại giấy chứng nhận trên cho chị T.

Tại các bản tự khai ngày 13/01/2024, ngày 09/7/2024, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đặng Thị Hồng T trình bày: Vào ngày 04/6/2020 chị và Ngân hàng N3, chi nhánh huyện P, phòng G, có xác lập hợp đồng vay số 4306LAV202002351, Ngân hàng cho chị vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay: Chăn nuôi bò, hình thức vay vốn: Tín chấp theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 và Ngân hàng có giữ giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 821104 do UBND huyện P cấp ngày 11/5/2006 cho hộ bà Đặng Thị D, mẹ chị.

Từ khi vay cho đến nay, chị chưa trả nợ gốc chỉ mới trả lãi trong hạn đến ngày 04/3/2022 số tiền 17.812.875, sau đó chị không trả lãi cho Ngân hàng nữa là

trước đó do dịch Co Vid bùng phát, nên chị làm ăn gặp khó khăn và khi vay chị dùng số tiền này để mua 05 con bò về nuôi, nhưng sau đó các con bò này bị dịch bệnh chết, nên dẫn đến chị không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng N3 khởi kiện yêu cầu chị trả cho Ngân hàng số tiền 139.856.850đ (Trong đó nợ gốc 100.000.000đ, lãi trong hạn 27.472.603đ, lãi quá hạn 12.384.247đ, tính đến ngày xét xử ngày 13/8/2024, chị đồng ý trả nợ gốc 100.000.000đ, nhưng do hiện tại gia đình chị đang gặp khó khăn, chị xin Ngân hàng cho chị trả số nợ gốc trên trong thời hạn 12 tháng, sau khi chị trả nợ xong cho Ngân hàng, thì yêu cầu ngân hàng giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị. Còn số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu, thì chị không đồng ý trả, vì chị thuộc trường hợp chăn nuôi bị dịch bệnh, nên Ngân hàng phải miễn toàn bộ, tiền lãi cho chị. Nếu Ngân hàng không đồng ý, chị yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật. Tại Tòa hôm nay đại diện Ngân hàng đã rút yêu cầu là trong trường hợp chị không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng đề nghị ra Quyết định thu hồi tài sản là giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 821104 do UBND huyện P cấp ngày 11/5/2006, để thực hiện thi hành án kê biên, phát mãi tài sản theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện để N1 hàng thu hồi nợ, nên chị thống nhất không có ý kiến gì.

-Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị D, anh Đặng Thanh L và chị Đặng Thị Thu H, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà D, anh L, chị H không đến Tòa làm việc cũng như không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án, đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ phát biểu: Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

-Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Đặng Thị Hồng T, có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N3 số tiền 139.856.850đ (Trong đó nợ gốc 100.000.000đ, lãi trong hạn 27.472.603đ, lãi quá hạn 12.384.247đ, tính đến ngày xét xử ngày 13/8/2024).

-Sau khi chị T trả xong các khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Đặng Thị Hồng T, giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 821104 do UBND huyện P cấp ngày 11/5/2006 cho hộ bà Đặng Thị D.

-Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng N3 về việc thu hồi tài sản là giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 821104 do UBND huyện P cấp ngày 11/5/2006, để thực hiện thi hành án kê biên, phát mãi tài sản theo quy định của pháp luật.

-Buộc chị **T** phải chịu (139.856.850đ x 5%= 6.993.000đ) án phí theo quy định pháp luật để sung vào Ngân sách nhà nước và hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là chị **Đặng Thị Hồng T** đang cư trú tại xã **M**, huyện **P**, tỉnh **Bình Định**, vì vậy vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đặng Thị D** anh **Đặng Thanh L** và chị **Đặng Thị Thu H** hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng bà **D**, anh **L** và chị **H** vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **D**, anh **L**, chị **H**.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng N3**, yêu cầu chị **Đặng Thị Hồng T** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng N3** số tiền 139.856.850đ (Trong đó nợ gốc 100.000.000đ, lãi trong hạn 27.472.603đ, lãi quá hạn 12.384.247đ, tính đến ngày xét xử ngày 13/8/2024) Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 04/6/2020 chị **Đặng Thị Hồng T** và **Ngân hàng N3**, chi nhánh huyện **P**, phòng **G**, có xác lập hợp đồng vay số 4306LAV202002351, chị **T** vay Ngân hàng số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay: Chăn nuôi bò, hình thức vay vốn: Tín chấp theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 và Ngân hàng có giữ giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 821104 do **UBND huyện P** cấp ngày 11/5/2006 cho hộ bà **Đặng Thị D**, mẹ chị **Đặng Thị Hồng T**.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị **T** chưa trả nợ gốc chỉ mới trả lãi trong hạn đến ngày 04/3/2022 số tiền 17.812.875. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều gửi thông báo và tạo điều kiện cho chị **Thu thanh t** nợ, nhưng chị **T** không thực hiện nghĩa vụ của mình như hợp đồng các bên đã ký kết. Chị **T** cũng công nhận hiện nay còn nợ gốc và lãi như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Chị **T** không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là vi phạm hợp đồng đã ký giữa các bên. Do đó Ngân hàng yêu cầu chị **T** phải trả số tiền 139.856.850đ (Trong đó nợ gốc 100.000.000đ, lãi trong hạn 27.472.603đ, lãi quá hạn 12.384.247đ, tính đến ngày xét xử ngày 13/8/2024), là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại các Điều 463,466, 468,470 Bộ luật dân sự 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.2] Xét yêu cầu xin trả dần số nợ gốc của chị **Đặng Thị Hồng T** trong vòng 12 tháng, nhưng đại diện Ngân hàng không đồng ý, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của chị **T**.

[2.3] Xét yêu cầu không trả lãi của chị **T**, với lý do, số tiền chị vay Ngân hàng về để đầu tư chăn nuôi bò, nhưng do bò bị chết vì dịch bệnh, nên chị phải thuộc trường hợp được Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi, đại diện Ngân hàng không đồng ý miễn lãi cho chị **T** và yêu cầu không trả lãi của chị **T** là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Sau khi chị **T** trả đầy đủ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ trả lại cho chị **Đặng Thị Hồng T**, giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 821104 do **UBND huyện P** cấp ngày 11/5/2006 cho hộ bà **Đặng Thị D**.

[2.5] Tại Tòa hôm nay đại diện Ngân hàng đã rút yêu cầu Tòa án phải thu hồi tài sản là giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 821104 do **UBND huyện P** cấp ngày 11/5/2006, để thực hiện thi hành án kê biên, phát mãi tài sản theo quy định của pháp luật, việc Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị **Đặng Thị Hồng T** phải chịu (139.856.849đ x 5%= 6.993.000đ) án phí sung ngân sách nhà nước. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho **Ngân hàng N3**.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

-Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng N3**

1.1. Buộc chị **Đặng Thị Hồng T** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng N3**, số tiền 139.856.850đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi đồng). (Trong đó nợ gốc 100.000.000đồng, lãi trong hạn 27.472.603đồng, lãi quá hạn 12.384.247đồng, tính đến ngày xét xử ngày 13/8/2024).

1.2 Sau khi chị **Đặng Thị Hồng T** trả xong các khoản nợ gốc và lãi cho **Ngân hàng N3**, thì **Ngân hàng N3** phải có nghĩa vụ trả lại cho chị **Đặng Thị Hồng T**, giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 821104, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00037 do **UBND huyện P** cấp ngày 11/5/2006 cho hộ bà **Đặng Thị D**.

1.3 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của **Ngân hàng N3** về việc thu hồi tài sản là giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 821104 do **UBND huyện P** cấp ngày 11/5/2006, để thực hiện thi hành án kê biên, phát mãi tài sản trên.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị **Đặng Thị Hồng T** phải chịu 6.993.000đ (Sáu triệu chín trăm, chín mươi ba nghìn đồng) tiền án phí sung ngân sách nhà nước. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng N3** 3.164.000đ (Ba triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003956, ngày 14-12-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử (ngày 13.8.2024) chị **Đặng Thị Hồng T** còn phải chịu lãi suất mà các bên đã thỏa thuận, theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký, hợp đồng số 4306LAV202002351, ngày 04/6/2020, giữa bên cho vay; **Ngân hàng N3**, chi nhánh huyện P, phòng G và bên vay **Đặng Thị Hồng T**, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: **Ngân hàng N3** và chị **Đặng Thị Hồng T**, có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/8/2024), bà **Đặng Thị D**, anh **Đặng Thanh L** và chị **Đặng Thị Thu H** vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Phù Mỹ;
- CC THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tân

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phù Mỹ;
- CC THADS huyện Phù Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tân